

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HS-ST  
Ngày: 16 - 3 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Văn Đức.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phan Trọng Điền;
2. Bà Hà mộng Dung.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Chí Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Thanh A, sinh năm 1987; nơi sinh thành phố LX; nơi cư trú: Lô 14, tổ 07, khóm DU, phường DX, thành phố LX, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Lê Văn O (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965; anh chị em có 04 người, bị cáo là người thứ nhất; Vợ Nguyễn Thị Hồng B (bị cáo cùng vụ án); con có 03 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền sự: Không;

- Tiền án: Ngày 07/9/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong, chưa được xóa án tích.

- Nhân thân: Ngày 15/7/2008 và ngày 26/12/2009, bị Tòa án thành phố LX, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 03 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/10/2020 cho đến nay.

2. Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1989, nơi sinh thành phố X; nơi cư trú: tổ 05, khóm CQ, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Nguyễn Văn I và bà Nguyễn Thị Y (đều đã chết); anh chị em có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; chồng Lê Thanh A (bị cáo cùng vụ án); con có 03 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền sự: không;

- Tiền án: Ngày 07/9/2018. Bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, được hoãn chấp hành án do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 24/11/2020 tự nguyện chấp hành án, được chuyển đến chấp hành án tại Trại giam Định Thành – Bộ Công an.

*Bị hại:*

- Chị Huỳnh Thiên BH, sinh năm 1992, nơi cư trú: Nhà trọ Hải Linh, khóm C7, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Em Mai Hoàng BU, sinh năm 2004, nơi cư trú: Số 217, tổ 03, khóm CQ, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh BTA, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số 23, khóm C, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Lê Thanh A và Nguyễn Thị Hồng B là vợ chồng, để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, đã thực hiện các hành vi sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 08/10/2020, A điều khiển xe mô tô, biển số 67E1 – 123.XX chở B đến khu vực tổ 3, khóm C4, phường B, thành phố X, B nhìn thấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Huỳnh Thiên BH để trong hộc trước xe nhãn hiệu Vision, biển số 67E1-20.XXX, đang đậu ven đường, A áp sát, cho B đưa tay lấy trộm điện thoại, mang đến cửa hàng điện thoại di động BTA, bán được 2.200.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 22/10/2020, A điều khiển xe mô tô, biển số 67E1 – 123.XX chở B đến khu vực tổ 26, khóm 5, phường Châu Phú A, thành phố X, B nhìn thấy điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE-11 PROMAX, vàng gold của Mai Hoàng BU để trong hộc trước xe nhãn hiệu Vision, biển số 67E1-390.XX, đang đậu ven lề đường, A áp sát, cho B lấy trộm điện thoại, mang bán cho BTA, bán được 6.000.000 đồng.

Các bị hại BH, BU khi phát hiện bị mất trộm tài sản đã đến cơ quan Công an để trình báo; A, B đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

- Vật chứng thu giữ:

Xe mô tô, nhãn hiệu WAVE, biển số 67E1 – 123.XX; 02 mũ bảo hiểm, trắng – đỏ; 01 áo thun xám, ngắn tay; 01 quần vải đen, ngắn; 01 bộ quần áo thun nữ (phương tiện, trang phục do A, B sử dụng khi phạm tội); điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE-11 PROMAX, màu vàng gold (đã giao trả cho bị hại BU).

Kết luận định giá tài sản số 225, 272/KL-ĐG, ngày 16 và ngày 27/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố X, ghi nhận:

Điện thoại di động hiệu nhãn hiệu OPPO, trắng xanh, trị giá 2.500.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE-11 PROMAX, màu vàng gold, trị giá 18.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản do bị cáo Hoà, B chiếm đoạt là 20.500.000 đồng.

Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 17 tháng 02 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố Lê Thanh A và Nguyễn Thị Hồng B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh BTA trình bày lời khai như đã cung cấp tại giai đoạn điều tra. Ngoài ra, anh BTA đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 2.200.000 đồng do bán điện thoại của chị BH cho người khác, anh Thế Anh có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền này.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên có cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, đã lén lút chiếm đoạt tài sản của Huỳnh Thiên BH, trị giá 2.500.000 đồng và của Mai Hoàng BU, trị giá 18.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 20.500.000 đồng. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong giai đoạn điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Đầu thú”; Bị cáo B còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là phụ nữ có thai”. Tuy nhiên, các bị cáo cùng phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”. “Tái phạm”. quy định tại điểm s, n khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ Luật hình sự.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, n khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 38 và Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh A từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù; Bị cáo Nguyễn Thị Hồng B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án này với Bản án số 53/HS-TT ngày 07/9/2018 của TAND thành phố X; Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng B phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Xe mô tô, nhãn hiệu WAVE, biển số 67E1 - 123.XX do bị can B đứng tên chủ sở hữu; đây là phương tiện mà bị can A, B sử dụng trong thời điểm phạm tội; tuy nhiên, xét thấy đây là phương tiện dùng sinh hoạt gia đình, do vợ chồng bị cáo tích góp mà mua được, không phải là phương tiện hành nghề chuyên nghiệp, hoàn cảnh kinh tế gia đình 02 bị can khó khăn, còn 03 con nhỏ sống nhờ vào sự cấp dưỡng của chính quyền địa phương, không cần thiết phải tịch thu, đề nghị trả lại cho các bị can; để khi chấp hành xong Bản án, 02 bị cáo có phương tiện kiếm sống để nuôi con và ổn định hoàn cảnh kinh tế về sau;

+ 02 mũ bảo hiểm, trắng - đỏ; 01 áo thun xám, ngắn tay; 01 quần vải đen, ngắn; 01 bộ quần áo thun nữ (phương tiện, trang phục do Lê Thanh A, Nguyễn Thị Hồng B sử dụng khi phạm tội) không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu, tiêu hủy;

Đề nghị áp dụng Điều 48, BLHS, các Điều 584, 585 và 589 BLDS bị can Lê Thanh A, Nguyễn Thị Hồng B có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 8.500.000 đồng cho Huỳnh Thiên BH, Mai Hoàng BU, BTA.

Đối với: BTA nhận mua tài sản của Lê Thanh A, Nguyễn Thị Hồng B, không biết do trộm cắp mà có, tuy không xử lý, nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

*Về tố tụng*

[1] Về thẩm quyền: Vụ việc xảy ra trên địa bàn thành phố X, có mức hình phạt dưới 15 năm tù, Tòa án nhân dân thành phố X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra,

truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện

*Về nội dung,*

[3] Hành vi phạm tội:

Qua đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng vụ án cùng các tài liệu, và nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định bị cáo A và B đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản, đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu nhãn hiệu OPPO, trắng xanh, trị giá 2.500.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE-11 PROMAX, màu vàng gold, trị giá 18.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 20.500.000 đồng.

Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự) như nội dung cáo trạng truy tố.

[4] Xét về vai trò đồng phạm: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, các bị cáo chỉ thống nhất cùng thực hiện tội phạm nên tính chất, mức độ hành vi gây nguy hiểm cho xã hội của các bị cáo là ngang nhau.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Hoà và B thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện ăn năn hối cải, đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; riêng bị cáo B có thêm tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội là phụ nữ có thai theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Ngày 08/10/2020 và ngày 22/10/2020, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Trong khi trước đó vào ngày 07/9/2018, các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo A đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo B được hoãn chấp hành án do nuôi con nhỏ nhưng lại tiếp tục phạm tội nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52, 53 Bộ Luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét, yêu cầu bồi thường là có căn cứ nên buộc các bị cáo A, B có trách nhiệm liên đới bồi thường cho em Mai Hoàng BU 6.000.000 đồng; bồi thường cho anh BTA 2.200.000 đồng; bồi thường cho chị Huỳnh Thiên BH 2.500.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006272 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố X, các bị cáo còn phải bồi thường cho chị BH 300.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE, biển số 67E1 – 123.XX là phương tiện mà bị cáo A và B đã sử dụng vào việc phạm tội. Xét thấy phương tiện này hằng ngày bị cáo dùng vào việc đưa rước con đi học, không là phương tiện chính, phục vụ cho việc phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao trả cho các bị cáo 01 xe mô tô xe mô tô, nhãn hiệu WAVE, biển số 67E1 – 123.XX theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, thể hiện tính nhân đạo và chính sách khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ xe mô tô nêu trên để đảm bảo thi hành án đối với phần thiệt hại mà các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đối với 02 mũ bảo hiểm. trắng – đỏ; 01 áo thun xám, ngắn tay; 01 quần vải đen, ngắn; 01 bộ quần áo thun nữ (phương tiện, trang phục do A, B sử dụng khi phạm tội) không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với bị cáo B đã bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 53/2018/HS-ST ngày 07/9/2018 (bản án đã có hiệu lực pháp luật và thi hành theo Quyết định số 88/2018/CA-TA ngày 08/10/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố X) nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội danh đang xét xử và tổng hợp hình phạt của 02 bản án theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh BTA khi nhận mua điện thoại di động do các bị cáo bán không biết đây là tài sản là do phạm tội mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, anh BTA cần nâng cao trách nhiệm của công dân trong việc mua bán hàng hóa theo quy định của pháp luật.

*Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 53 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố bị cáo: Lê Thanh A phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Lê Thanh A: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo A được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 26/10/2020 (*ngày hai mươi sáu tháng mười năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 38, Điều 55 và Điều 56 Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị Hồng B phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Nguyễn Thị Hồng B: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt theo bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018/HS-ST ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X; buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng B chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo B được tính kể từ ngày 24/11/2020 (*ngày hai mươi bốn tháng mười một năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

*Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

Buộc bị cáo Lê Thanh A và Nguyễn Thị Hồng B có trách nhiệm bồi thường cho em Mai Hoàng BU 6.000.000 (*sáu triệu*) đồng, anh BTA 2.200.000 (*hai triệu hai trăm nghìn*) đồng, chị Huỳnh Thiên BH 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng. Chị BH có trách nhiệm liên hệ Chi Cục Thi hành án Dân sự Thành phố X để nhận số tiền 2.200.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006272 ngày 15/3/2021, khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

*Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE, biển số 67E1 – 123.XX để đảm bảo thi hành án đối với phần thiệt hại mà các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Tịch thu tiêu hủy 02 mũ bảo hiểm trắng – đỏ; 01 áo thun xám, ngắn tay; 01 quần vải đen, ngắn; 01 bộ quần áo thun nữ.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân thành phố X với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X).

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ*

*Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Lê Thanh A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đức**